

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2023

V/v xin ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2022/TLST –HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1247/2023/QĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị B**, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; Cư trú tại: **P - W – alr jana pawla 219-721 Ba Lan**, vắng mặt.

Thân nhân của anh **B1**: Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1960 (là bố đẻ anh **B1**), địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**, đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị **Hoàng Thị B** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị **B** và anh **Nguyễn Văn B1** có quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 24/6/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng bàn bạc thống nhất để anh **B1** đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chúng tôi có liên lạc hỏi han, quan tâm nhau cho đến cuối năm 2021 thì phát sinh

hiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế, tình trạng này kéo dài, mặc dù vợ chồng cố gắng dần xếp để bỏ qua cho nhau nhưng vẫn không thể khắc phục được. Nay chị **B** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B1**.

Về con chung: Chị **B** trình bày chị và anh **B1** có 01 đứa con chung tên **Nguyễn Hoàng Anh T1**, sinh ngày 16/8/2020, ly hôn chị **B** xin được nuôi con và không yêu cầu anh **B1** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **B** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, và nợ chung, không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh **Nguyễn Văn B1**:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác cho **Đ** tại Ba Lan về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Nguyễn Văn B1** theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tòa án đã triệu tập ông **Nguyễn Xuân T** là bố đẻ anh **B1** đến để trình bày ý kiến: Theo ông **T** thì con trai ông là anh **Nguyễn Văn B1** và chị **Hoàng Thị B** sau thời gian tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2019 tại **UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Trong quá trình hai con sống chung với nhau, ông có nghe anh **B1** nói là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh **B1** hiện đang làm ăn tại Ba Lan, trú tại địa chỉ: **P - W – alr jana pawla 219-721 Ba Lan**. Hiện tại con dâu **Hoàng Thị B** muốn ly hôn với con trai ông, về phía gia đình ông không có ý kiến gì tùy thỏa thuận của hai đứa. Ông cũng được biết anh **B1** có điện thoại liên lạc với gia đình và nói vợ chồng đang ly hôn và mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn để hai đứa ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng **B - B1** có 01 đứa con chung tên **Nguyễn Hoàng Anh T1**, sinh ngày 16/8/2020 đang sống với mẹ, ly hôn con trai ông có nguyện vọng để con cho chị **B** nuôi dưỡng và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị **B** được ly hôn anh **B1**; Về con chung: chấp nhận theo nguyện vọng của chị **B** giao con chung cho chị **B** nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị **B** không yêu cầu anh **B1** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; về án phí và lệ phí, đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các lời khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn của Cục Q - Bộ C thì tại thời điểm Tòa án thụ lý bị đơn anh Nguyễn Văn B1 đang ở nước ngoài, vì vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó có ấn định rõ giờ, ngày tháng năm mở phiên họp hoà giải và phiên tòa đồng thời tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Xuân T là bố đẻ anh Nguyễn Văn B1 để ông T thông báo cho anh B1 biết việc Tòa án đang thụ lý vụ án ly hôn giữa chị B và anh B1. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn B1 vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản, vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được; chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 228; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B và anh B1.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh B1 và chị B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị B và anh B1 không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, xử cho chị B và anh B1 được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: 01 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/8/2020, ly hôn chị B xin được nuôi con và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét hiện nay anh B1 đang ở nước ngoài, con đang được chị B nuôi dưỡng nên cần giao cho chị B được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Về ý kiến của chị B không yêu cầu anh B1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, chị B trình bày đủ khả năng nuôi dạy con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị B.

[2.3]. Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5 theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, 147, 153, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Hoàng Thị B** (sinh năm 1998) được ly hôn anh **Nguyễn Văn B1** (sinh năm 1990).

2. Về quan hệ con chung: giao con chung tên **Nguyễn Hoàng Anh T1**, sinh ngày 16/8/2020, cho chị **B** được trực tiếp nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **B** không yêu cầu anh **B1** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí tố tụng:

- Chị **B** phải chịu nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 31AA/2022/0005068 ngày 06/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Chị **B** phải chịu 2.860.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án xử công khai, chị **B** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Anh **B1** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn

